

Số: **49** /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm 2013

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra thoái hóa đất ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

*Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra thoái hóa đất ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra thoái hóa đất ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Sửa đổi, bổ sung Định biên công nhóm tại Điểm 5.2 Bước 1 Khoản 1.1 Mục 1 Chương I Phần II và Điểm 5.2 Bước 1 Khoản 1.1 Mục 1 Chương II Phần II của Định mức như sau:

“5.2. Khảo sát sơ bộ và xác định thông tin, nội dung, số lượng điểm điều tra, điểm lấy mẫu đất, khu vực cần điều tra tại thực địa.

5.2.1. Khảo sát sơ bộ nội dung, số lượng điểm, khu vực cần điều tra tại thực địa: công nhóm 3 (1KTV6, 1KS3, 1LX5).

5.2.2. Xác định thông tin, nội dung, số lượng điểm, khu vực cần điều tra tại thực địa lên bản đồ: công nhóm 2 (1KTV6, 1KS3).”.

2. Bổ sung định mức lao động cho việc điều tra, lấy mẫu đất vào Điểm 1 Bước 2 Khoản 1.1 Mục 1 Chương I Phần II và Điểm 1 Bước 2 Khoản 1.1 Mục 1 Chương II Phần II của Định mức như sau:

“Định mức lao động cho việc điều tra, lấy mẫu đất là 0,10 công nhóm 4 (2KTV6, 1KS3, 1LX5)/mẫu đất”.

3. Bổ sung các Điểm 1.2.1a, Điểm 1.2.2a, Điểm 1.2.3a vào Khoản 1.2 Mục 1 Chương I Phần II và Khoản 1.2 Mục 1 Chương II Phần II; các Điểm 2.2.1a, Điểm 2.2.2a, Điểm 2.2.3a vào Khoản 2.2 Mục 2 Chương I Phần II và Khoản 2.2 Mục 2 Chương II Phần II của Định mức như sau:



“1.2.1a. Cơ cấu phân trăm định mức dụng cụ

Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1: Thu thập tài liệu	14,02	11,20
Bước 2: Điều tra khảo sát thực địa		88,80
<i>Trong đó: Lấy mẫu đất</i>		7,72
Bước 3: Nội nghiệp	85,98	
Trong đó:		
<i>Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa</i>	5,38	
<i>Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa</i>	3,91	

”

“1.2.2a. Cơ cấu phân trăm định mức vật liệu

Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1: Thu thập tài liệu	16,96	12,98
Bước 2: Điều tra khảo sát thực địa		87,02
<i>Trong đó: Lấy mẫu đất</i>		3,78
Bước 3: Nội nghiệp	83,04	
Trong đó:		
<i>Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa</i>	5,39	
<i>Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa</i>	3,92	

”

“1.2.3a. Cơ cấu phân trăm định mức thiết bị

Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1: Thu thập tài liệu	38,84	13,08
Bước 2: Điều tra khảo sát thực địa		86,92
<i>Trong đó: Lấy mẫu đất</i>		4,28
Bước 3: Nội nghiệp	61,16	
Trong đó:		
<i>Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa</i>	5,39	
<i>Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa</i>	3,92	

”

“2.2.1a. Cơ cấu phân trăm định mức dụng cụ

Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1: Thu thập tài liệu	15,91	17,33
Bước 2: Điều tra khảo sát thực địa		82,67
<i>Trong đó: Lấy mẫu đất</i>		18,82
Bước 3: Nội nghiệp	84,09	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa</i>	5,18	
<i>Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa</i>	3,72	

”

“2.2.2a. Cơ cấu phân trăm định mức vật liệu

Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1: Thu thập tài liệu	6,19	22,02
Bước 2: Điều tra khảo sát thực địa		77,98
<i>Trong đó: Lấy mẫu đất</i>		15,56
Bước 3: Nội nghiệp	93,81	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa</i>	9,10	
<i>Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa</i>	9,10	

”

“2.2.3a. Cơ cấu phân trăm định mức thiết bị

Nội dung công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1: Thu thập tài liệu	16,65	22,05
Bước 2: Điều tra khảo sát thực địa		77,95
<i>Trong đó: Lấy mẫu đất</i>		15,58
Bước 3: Nội nghiệp	83,35	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa</i>	9,10	
<i>Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa</i>	9,10	

”

4. Sửa đổi Định mức lao động cho phân tích chỉ tiêu mẫu đất tại các Điểm 1.1 Bước 3 Khoản 1.1 Mục 1, Điểm 1.1 Bước 3 Khoản 1.1 Mục 2 Chương I Phần II và Điểm 1.1 Bước 3 Khoản 1.1 Mục 1, Điểm 1.1 Bước 3 Khoản 1.1 Mục 2 Chương II Phần II như sau:

“Định mức lao động cho phân tích chỉ tiêu mẫu đất là 0,30 công KS5/1 chỉ tiêu (bằng 3,6 công KS5/1 mẫu đất/12 chỉ tiêu)”.

5. Bổ sung cột số thứ tự 9 và 10 vào các Điểm 1.3.1, Điểm 1.3.2, Điểm 1.3.3 Khoản 1.3 Mục 1; các Điểm 2.3.1, Điểm 2.3.2, Điểm 2.3.3 Khoản 2.3 Mục 2 Chương I Phần II và các Điểm 1.3.1, Điểm 1.3.2, Điểm 1.3.3 Khoản 1.3 Mục 1; các Điểm 2.3.1, Điểm 2.3.2, Điểm 2.3.3 Khoản 2.3 Mục 2 Chương II Phần II như sau:

“

9	2Đ4l	Tổng muối tan (đo bằng máy)				Như 2Đ4đ
10	2Đ4b	Lưu huỳnh tổng số (APHA 4500-S04)				Như 2Đ4đ

”

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2014.

**Điều 3.** Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, TCQLĐĐ, Vụ PC, Vụ KH

*(Handwritten initials: BT, TC, KH)*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Hiển**